

DÂN CA QUAN HỌ BẮC NINH,

Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

ĐCS.TS. NGUYỄN CHÍ BÈN*

Cử nhân của Dân ca Quan họ Bắc Ninh là cộng đồng cư dân người Việt (Kinh) cư trú ở hai tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang hiện nay, sinh sống bằng nghề trồng lúa nước và nghề thủ công. Họ ở trong các làng, chính các làng này là môi trường lưu hành, trình diễn và bảo tồn Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Trong lịch sử, các làng Quan họ ấy, hay nói cách khác, vùng lưu hành Quan họ xưa, khó ai đoán định có tổng số là bao nhiêu làng, nhưng có lẽ nhiều hơn con số 49 làng hiện nay. Năm 1920, trong *Bắc Ninh tỉnh khảo dị*, với lời tựa của Phạm Xuân Lộc, chúng ta biết một số khía cạnh của Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Năm 1937, tác giả Minh Trúc kể các làng mà theo ông có hát Quan họ: "vài huyện tỉnh Bắc Ninh và một vài làng tỉnh Bắc Giang ở giáp giới với Bắc Ninh. Nơi nhiều Quan họ nhất là huyện Võ Giàng và huyện Tiên Du, nhất là tổng Châm Khê, huyện Võ Giàng thì trai gái làng nào cũng hát thạo. Đi ngược trở lên đến làng Mật Ninh và Nội Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và đi ngược xuống về miền Hà Nội thì làng Lim, làng Nội Duệ, làng Long Khám và làng Vân Khám là hết. Từ Nội Duệ đến Mật Ninh và Nội Ninh với Thổ Hà, trong khoảng ấy thì làng nào có hội trai gái cũng dắt nhau đến để ca hát mà họ gọi là để "câu vui"¹. Như vậy, theo Minh Trúc,

trước Cách mạng tháng Tám, làng Thổ Hà có hát Quan họ. Cũng theo Minh Trúc, một làng khác nằm trong vùng có hát Quan họ trước Cách mạng tháng Tám là làng Trung Đông, làng này với hai làng Thượng Đông và Hạ Đông vốn trước đây cùng là đất Đại Cáo sở thuộc tổng Trâm Khê, huyện Yên Phong². Sau này, làng Thượng Đông và Hạ Đông thuộc về huyện Yên Phong, nhưng Trung Đông lại thuộc về huyện Việt Yên. Khi chia tách tỉnh Hà Bắc, ba làng vốn thuộc một tỉnh nay thuộc hai tỉnh khác nhau. Liệu làng Trung Đông trước đây có là một làng Quan họ? Cũng khó khẳng định là có hay không? Bởi làng Thượng Đông, (cùng thuộc Đại Cáo sở xưa) của huyện Yên Phong được công nhận là một làng Quan họ cổ. Nhưng đến những năm 70 của thế kỷ XX, các nhà khoa học, nhà quản lý, cộng đồng các làng Quan họ đã xác nhận đến thời điểm ấy, Dân ca Quan họ Bắc Ninh còn được thực hành ở 44 làng thuộc tỉnh Bắc Ninh hiện nay, 5 làng thuộc tỉnh Bắc Giang hiện nay (không có làng Thổ Hà, cũng không có làng Trung Đông)*. Các làng Quan họ này, nằm hai bên bờ sông Cầu trên địa giới hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang hiện tại, nhưng quy tụ gần nhau trong một không gian với diện tích chừng 60km².

Trong tên gọi di sản này, địa danh Bắc Ninh không là địa danh hành chính của một tỉnh Bắc Ninh hiện tại. Vậy, nên hiểu danh từ Bắc Ninh

* VIỆN TRƯỞNG
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

trong tên gọi của di sản này như thế nào? Về phương diện văn hóa, sự tồn tại của một hiện tượng, một thể loại, một không gian văn hóa không phụ thuộc vào ranh giới hành chính của một vùng đất. Ranh giới hành chính của vùng đất là hiện tượng thay đổi theo lịch sử, không nhất thành bất biến. Vùng lưu hành Dân ca Quan họ Bắc Ninh thuộc vùng đất phía Bắc kinh thành Thăng Long, nay là Thủ đô Hà Nội. Vùng này trong lịch sử từng mang nhiều tên gọi khác nhau: lộ Kinh Bắc, Bắc Đạo, lộ Bắc Giang thượng và hạ, Bắc Thừa Tuyên, xứ Kinh Bắc, trấn Kinh Bắc, trấn Bắc Ninh. Cần lưu ý rằng, ở Việt Nam, đến năm 1831, việc chia quốc gia thành các tỉnh, với tư cách là một đơn vị hành chính, mới được vua Minh Mạng thực hiện. Năm 1802, thời vua Gia Long, trấn Kinh Bắc (năm 1822 đổi thành trấn Bắc Ninh) gồm 4 phủ: phủ Từ Sơn (với các huyện Đông Ngàn, Yên Phong, Tiên Du, Quế Dương, Võ Giàng), phủ Lạng Giang (với các huyện Bảo Lộc, Phượng Nhãn, Lục Ngạn, Yên Dũng, Yên Thế, Hữu Lũng, Yên Việt (Việt Yên)), phủ Thuận An (với các huyện Gia Lâm, Văn Giang, Gia Bình, Siêu Loại, Lang Tài), Phủ Thiên Phúc (với các huyện Kim Hoa (Kim Anh), Hiệp Hòa và Thiên Phúc). Năm 1831, vua Minh Mệnh đổi trấn Bắc Ninh thành tỉnh Bắc Ninh, vẫn bao gồm các phủ, huyện ấy. Nói cách khác, địa danh Bắc Ninh trong tên gọi Dân ca Quan họ Bắc Ninh chỉ một vùng đất rộng đầu thế kỷ XIX, là địa bàn của hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và một số huyện, xã, làng của các tỉnh Vĩnh Phúc, Lạng Sơn, Hải Dương, Hưng Yên và Thành phố Hà Nội. Thời điểm phát triển đến đỉnh cao của Dân ca Quan họ Bắc Ninh, nằm trong thời gian này. Năm 1895, người Pháp tách một phần tỉnh Bắc Ninh thời Nguyễn lập tỉnh Bắc Giang. Từ đây, vùng Kinh Bắc xưa mới chia tách thành hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang. Năm 1962, hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang được nhập lại thành tỉnh Hà Bắc, để rồi năm 1996 lại tách ra thành hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang. Với các nhà nghiên cứu, sưu tầm, địa danh Bắc Ninh đã tồn tại gắn bó với loại hình nghệ thuật trình diễn này như một tên gọi loại hình: Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Có thể thấy, từ các

nhà nghiên cứu âm nhạc như Lưu Hữu Phước, Nguyễn Đình Phúc, Tú Ngọc, Trần Văn Khê, các nhà nghiên cứu lịch sử, văn học dân gian như Trần Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Vũ Ngọc Phan v.v..., các nhà quản lý văn hóa như Cù Huy Cận, Lê Hồng Dương v.v... đến giáo trình dành cho sinh viên ngành ngữ văn của hai trường Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học tổng hợp Hà Nội đều thống nhất như vậy. Ngay cả khi sáp nhập hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc (từ 27/10/1962 đến 6/11/1996), người dân và các nhà quản lý Hà Bắc vẫn dùng danh xưng Dân ca Quan họ Bắc Ninh mà không dùng danh xưng Dân ca Quan họ Hà Bắc hay Dân ca Quan họ Bắc Ninh-Bắc Giang. Bởi lẽ, trong tâm thức người dân, kể cả người dân Bắc Ninh, Bắc Giang tự bao đời, danh xưng Dân ca Quan họ Bắc Ninh luôn tồn tại như một sự thực khách quan.

Vì thế, vừa qua, cộng đồng hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, cả các nhà quản lý lẫn cộng đồng Quan họ đều đồng thuận rất cao trong việc xác định tên gọi của hồ sơ để trình UNESCO: Dân ca Quan họ Bắc Ninh.

Đến nay, đã có nhiều công trình trình bày các giá trị của Dân ca Quan họ Bắc Ninh³. Ở đây, tôi xin trình bày những giá trị chủ yếu của di sản này với tư cách một di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Là một loại hình nghệ thuật trình diễn, nhưng giá trị của Dân ca Quan họ Bắc Ninh rất phong phú. Trong lịch sử, Dân ca Quan họ Bắc Ninh tồn tại trong một môi trường văn hóa, với những tập quán xã hội riêng. Đầu tiên là tập quán kết chạ giữa các làng Quan họ. Trong 44 làng Quan họ cổ của tỉnh Bắc Ninh đã có 33 làng kết chạ, chiếm gần 80% trong tổng số các làng Quan họ. Từ tục kết chạ, Dân ca Quan họ Bắc Ninh phát triển, lưu hành gắn bó mật thiết với một tập quán xã hội đặc biệt là tục kết bạn Quan họ. Trong làng Quan họ thường có nhiều bọn Quan họ nam, nữ. Bọn Quan họ là một tổ chức theo giới tính: nam hoặc nữ, không theo quan hệ huyết thống và hoàn toàn tự nguyện. Mỗi bọn Quan họ của một làng đều kết bạn với một bọn Quan họ của làng khác theo nguyên tắc Quan họ nam kết bạn với Quan họ nữ và

ngược lại. Với các làng đã kết chạ, trai gái trong các bọn Quan họ đã kết bạn không được cưới nhau. Tục kết bạn Quan họ là cơ sở để đi hát Quan họ.

Muốn đi hát Quan họ phải có bọn: bọn nam hoặc bọn nữ. Họ tự nguyện rủ nhau thành bọn. Trong các sinh hoạt Quan họ, các thành viên của bọn Quan họ không gọi nhau bằng tên thật mà gọi theo tên đặt trong bọn Quan họ hoặc liền anh, liền chị Quan họ. Tuy xưng hô theo thứ tự, nhưng bọn Quan họ luôn sống bình đẳng, thương yêu nhau, ứng xử với nhau luôn là một thái độ lịch sự, thực sự tôn trọng, quý mến lẫn nhau.

Dân ca Quan họ Bắc Ninh là nghệ thuật ngàn đời nay tồn tại bằng hình thức truyền miệng. Độc đáo của Dân ca Quan họ Bắc Ninh trong việc truyền dạy là tục ngủ bọn. Sau một ngày lao động, đêm đến, bọn Quan họ, nhất là thiếu niên nam, nữ từ 9 tuổi đến 16, 17 tuổi, thường rủ nhau ngủ bọn ở nhà ông Trùm (hoặc bà Trùm) để học câu, luyện giọng; phải học đủ lối, đủ câu, luyện giọng sao cho vang, rền, nền, nảy và tập nói năng, ứng xử, giao tiếp,

học để biết đặt câu, bẻ giọng và ứng đối kịp thời. Yêu cầu đặt ra với tục ngủ bọn là liền anh/liền chị phải ghép và luyện sao cho từng đôi một, thật hợp giọng nhau rồi mới đi hát ở bên ngoài.

Nói đến bất kỳ một loại hình nghệ thuật nào cũng phải nói đến khâu sáng tạo của nó. Độc đáo của Dân ca Quan họ Bắc Ninh là truyền thống ứng tác tại nơi trình diễn của các liền anh, liền chị Quan họ, có thể là những nông dân, nhưng cũng có thể là các nhà Nho trong làng xã thuở xưa. Những liền anh, liền chị Quan họ trình diễn những bài bản cũ, nhưng cũng có thể ứng tác tại nơi trình diễn. Đó là những sáng tạo lớn mang tâm kiệt tác của nhân loại của nhiều thế hệ nghệ nhân Quan họ Bắc Ninh. Trải qua tiến trình lịch sử, các giọng Quan họ và các bài ca Quan họ được sáng tạo, rồi sàng lọc trong thời gian, qua các làng. Khó ai mà có thể đoán định trước đây Dân ca Quan họ Bắc Ninh từng có bao nhiêu giọng, chỉ biết cho đến thời điểm hiện nay, Dân ca Quan họ Bắc Ninh có 213 giọng khác nhau. Đây là loại hình dân ca có tổng số giọng (làn điệu) cao



Quan họ Đầm Xá, Bắc Ninh-Ảnh: Cao Quý

nhất trong các loại hình dân ca Việt Nam. Về phương diện bài ca, cũng không ai đoán định được trong lịch sử, Dân ca Quan họ Bắc Ninh từng có bao nhiêu bài ca, nhưng đến nay, giới sưu tầm, nghiên cứu và cộng đồng các làng Quan họ xác nhận có chừng 400 bài ca. Lời một bài ca có hai phần: lời chính và lời phụ. Lời chính là phần cốt lõi, phản ánh nội dung của bài ca; lời phụ gồm tất cả những tiếng nằm ngoài lời ca chính, là tiếng đệm, tiếng đưa hơi như i hi, ư hư, a ha v.v... Dân ca Quan họ Bắc Ninh chủ yếu là nghệ thuật phổ lời ca dao và thơ. Nghệ thuật này đòi hỏi phải sử dụng những tiếng phụ, lời phụ bên cạnh những tiếng chính, lời chính nhằm làm cho tiếng hát trôi chảy, bổ sung ý nghĩa cho lời ca chính, làm cho lời ca thêm phong phú, linh hoạt, tăng cường tính nhạc của bài ca, phát triển giai điệu, làm cho âm nhạc của bài ca thêm sinh động, bố cục trở nên hợp lý. Không dùng tiếng phụ, lời phụ, lời ca dễ đơn điệu, mất cân đối. Như vậy, cả trên phương diện làn điệu (giọng) lẫn phương diện tác phẩm (bài ca), Dân ca Quan họ Bắc Ninh tồn tại đậm đặc trong một không gian văn hóa mà hiện tại chúng ta gọi là không gian văn hóa Quan họ. Trong các loại hình nghệ thuật trình diễn của các dân tộc ở Việt Nam, khó mà có một loại hình nghệ thuật trình diễn nào có thể sánh ngang được với Dân ca Quan họ Bắc Ninh ở phương diện tồn tại đậm đặc trong một không gian không phải là rộng lớn như vậy. Cũng ở phương diện sáng tạo, Dân ca Quan họ Bắc Ninh còn có một đặc điểm khá thú vị. Bởi có một "nội lực" rất lớn, nên khi sáng tạo, trình diễn, những nghệ nhân Quan họ đã "Quan họ hóa" khá nhiều những tác phẩm, những yếu tố văn hóa, âm nhạc vốn không phải là của Quan họ. Thành ra, khi quan sát Dân ca Quan họ Bắc Ninh, người ta thấy có cả những yếu tố của âm nhạc các vùng khác nhưng đã được "Quan họ hóa" một cách toàn vẹn.**

Dân ca Quan họ Bắc Ninh hát đối đáp nam nữ, một cặp nam hát đối với một cặp nữ. Mỗi cặp nam hay nữ ấy phân công người hát dẫn, người hát luôn nhưng giọng của hai người trong một cặp hát phải hòa âm, đồng thanh để

nghe như một giọng. Trong hát Quan họ, một cặp nữ của làng này hát với một cặp nam của làng kia bằng một bài hát cùng giai điệu, khác về ca từ, và đối giọng. Thực ra, không chỉ Bắc Ninh, Bắc Giang có hát đối đáp nam nữ. Nhiều dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam có hát đối đáp nam nữ-như ý kiến của tác giả Tanese Yoko trong Âm nhạc Đông Nam Á: "Một trong những loại hát khá phổ biến ở các nước Đông Nam Á được sinh ra trong thời kỳ này là hình thức hát đối ca nam nữ (còn gọi là hát đối đáp)"⁴ và, theo tác giả Nguyễn Bình Định: "Có rất nhiều loại hát đối ca nam nữ mà ngày nay vẫn đang tiếp tục tồn tại ở nhiều nước Đông Nam Á, ví dụ ở Lào có lối hát đối ca giữa hai hàng nam nữ đứng cách nhau 100 mét, sau mỗi câu hát lại tiến gần nhau vài bước; ở Campuchia có hát đối đáp giữa hai phường nam nữ kết hợp với ném cầu, ở Philippin có loại hát đối ca gọi là Bali tau, ngày nay vẫn còn được ưa thích và đôi khi người ta còn đệm bằng đàn ghita"⁵. Nhưng hát đối đáp nam nữ của các dân tộc khác ở Việt Nam hay ở các quốc gia khác là sự giao lưu giữa hai nhóm nam và nữ, để các thành viên lựa chọn người mình yêu thương, sau đó tiến hành các nghi thức hôn nhân, để họ thành vợ chồng. Nhưng các bọn Quan họ nam, nữ ở hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, hát đối đáp ở các làng đã kết chạ thông thường không được cưới nhau, thành vợ, thành chồng. Các bài ca Quan họ là những bài ca với một chủ đề: tình yêu lứa đôi. Vì thế, bao đời nay, những bài ca Quan họ luôn cuốn hút và làm mê đắm lòng người. Nỗi buồn man mác sâu lắng khi chia xa, nỗi vui mừng khôn xiết, sự thốn thức của con tim khi được gặp lại nhau sau một thời gian xa cách thể hiện trong các lời ca Quan họ Bắc Ninh luôn chinh phục trái tim các thế hệ con người, nhưng lại là những trạng thái, cung bậc tình cảm của những người không lấy nhau thành vợ chồng, luôn tôn trọng, quý mến nhau như anh em ruột thịt. Nội dung các bài ca Quan họ thể hiện các trạng thái tình cảm của con người: nhớ nhung, buồn bã khi chia xa, sự vui mừng khi gặp lại của những người yêu nhau (nhưng không được cưới nhau) bằng một ngôn ngữ giàu tính ẩn dụ,

bằng những lời ca Quan họ đều là những câu thơ, ca dao được chau chuốt đến độ hoàn mỹ, từ ngữ trong sáng, mẫu mực.

Dân ca Quan họ Bắc Ninh là loại hình nghệ thuật trình diễn gắn bó mật thiết với lễ hội. Mỗi làng Quan họ, đều có lễ hội riêng. Trong lễ hội, ngoài việc cúng tế Thành hoàng hoặc phúc thần của làng, người dân còn hát Quan họ. Ngoài hát hội, Quan họ còn hình thức hát thi lấy giải. Đó là những cuộc tranh tài rất gay gắt: bên hát trước một câu, bên sau phải có một câu đối lại, phải đối cả ý lẫn giọng, khi đối giọng phải đối cả những từ đệm. Kế đến là hát canh, một canh hát, giữa bọn Quan họ làng sở tại và bọn khách, ngoài bài Mời nước, Mời trầu là ba chặng hát: giọng Lẻ lối, giọng Vật, giọng Giã bạn. Khi hát, mỗi bọn ngồi một bên (trên chiếu, giường hoặc tràng kỷ), đối diện nhau mà hát, bắt buộc là đôi nam hát đối với đôi nữ, theo trình tự nam tòng nữ hoặc âm xướng dương họa. Đây là một loại hình nghệ thuật biểu diễn mà lễ lối trình diễn đã được qui phạm rất chặt chẽ.

Dân ca Quan họ Bắc Ninh là sự sáng tạo mang tầm nhân loại của các thế hệ người dân vùng Kinh Bắc trong việc xử lý quan hệ giữa âm nhạc và ca từ như đánh giá của PGS.TS. Nguyễn Thụy Loan: "Âm nhạc thực sự đã trở thành yếu tố quan trọng có thể chi phối cả cấu trúc lời ca và nghệ sĩ Quan họ có thể "nhào nặn" lời ca một cách nhuần nhuyễn theo hình hài của phần nhạc bằng nhiều thủ pháp đa dạng: chêm những hư từ, từ đệm, câu đệm, điệp từ (cả lối đệm đơn và đệm kép), đảo từ và vay-trả (2 hoặc 4 từ và vay trả cả câu), thậm chí đảo cấu trúc của thơ lục bát thành thơ bát lục..."⁶. Hát Quan họ có 4 kỹ thuật hát đặc trưng: vang, rền, nền, nảy. Giai điệu dựa trên âm giai ngũ cung với kỹ thuật chuyển hệ, tức là ghép hai, ba âm giai ngũ cung khác nhau trong một bài hát. Giọng hát tuy là giọng thật nhưng có nhiều kỹ thuật. "Kỹ thuật hát của nghệ nhân Quan họ xưa đã đạt tới độ nhuần nhuyễn theo những quy chuẩn của tiếng hát đẹp. Thêm vào đó là những kỹ thuật đặc trưng, đặc biệt là kỹ thuật "nảy hạt"-tuy có nét chung với lối hát chèo và ca trù nhưng lại rất riêng, khó lẫn".

Nói đến Quan họ, không thể không nói đến trang phục Quan họ. Người sáng tạo, người trình diễn Quan họ là những nông dân. Nhưng, khi trình diễn, người Quan họ thay bộ quần áo giản dị thường ngày, khoác lên mình bộ trang phục chỉ dành cho việc đi hát. Trang phục của người nữ/liền chị gồm có: nón, khăn vấn tóc, khăn mỏ quạ, yếm, áo tứ thân, váy, thắt lưng, đôi dép và xà tích; trang phục của người nam/liền anh gồm: khăn xếp, ô lục soạn, áo, quần, dép, tất thảy đều thể hiện quan điểm thẩm mỹ và những tín ngưỡng xa xưa của người Quan họ.

Nói đến Quan họ Bắc Ninh là phải nói đến ẩm thực Quan họ. Miếng trầu/giầu của người Quan họ có hai loại: giầu tằm cánh phượng và giầu tằm cánh quế. Cơm Quan họ dùng mâm đan, bát đan, các món ăn trong bữa cơm phụ thuộc vào tập quán của từng làng, nhưng bao giờ cũng phải có một đĩa thịt gà, hai đĩa giò lụa, thịt lợn nạc, đặc biệt không dùng thức ăn có nhiều mỡ, để tránh hỏng giọng. Sau tiệc mặn, Quan họ mời bạn tiệc ngọt gồm hồng, bánh xu xê, bánh cốm, chè đường v.v...

Hát Quan họ là cơ hội để các bọn Quan họ nam và nữ đối thoại, trò chuyện cùng nhau, để giải bày những tình cảm của con người, mà suốt đời họ quý mến và tôn trọng. Đến hẹn lại lên, những bọn Quan họ nữ, nam ở các làng quê đầu xuân lại gặp nhau để trình diễn những bài ca Quan họ. Họ luôn tự làm mới mình trong trang phục, trong ẩm thực để đón bạn hát, để phô diễn những lời ca ngọt ngào, tinh tứ của những người như đặng đặng xa nhau mấy năm trời! Bởi vậy, Quan họ có một sức sống qua hàng ngàn năm, trên vùng Kinh Bắc, nay là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang.

Từ xưa đến nay, cộng đồng ở 49 làng Quan họ và các làng khác ở hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang vẫn tôn trọng, quý mến các nghệ nhân, vẫn trao truyền, bảo lưu các bài ca Quan họ. Thái độ ấy là sự tôn trọng sáng tạo văn hóa, sự đa dạng văn hóa. Sợi dây liên kết giữa con người và con người, sự gắn bó giữa các làng xã bằng một loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian: Dân ca Quan họ Bắc Ninh có thể tăng cường xu thế đối thoại, hòa nhập trong một

không gian rộng lớn hơn. Trong các di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc ở Việt Nam, hiếm có một di sản nào chứa đựng một năng lượng tiềm tàng ấy.

Dân ca Quan họ Bắc Ninh là một hiện tượng văn hóa đa nghĩa, giàu giá trị, đã lưu truyền qua hàng ngàn năm với những sáng tạo mang tầm kiệt tác của nhân loại. Hiện tại, sự tồn tại của Dân ca Quan họ Bắc Ninh ở các làng Quan họ đang đứng trước những thách thức không nhỏ. Việc hát Quan họ theo lối mới, dẫn đến làm sai lệch các yếu tố truyền thống, làm mai một các giá trị về nghệ thuật âm nhạc, ngôn ngữ, kỹ thuật hát cũng như những tập quán xã hội khác. Từ sau năm 1945 đến nay, tục kết chạ, tục kết bọn Quan họ, tục "ngủ bọn" hầu như không còn, lễ hội ở các làng Quan họ có nhiều biến đổi. Các nghệ nhân hát Quan họ theo lối cổ mất dần, không còn việc hát thi lấy giải ở các làng Quan họ, khiến cho truyền thống ứng tác các bài ca bị mai một. Bởi vậy, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa phi vật thể này đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết, đòi hỏi chúng ta phải khẩn trương, thực sự khoa học với các định hướng sau:

- Thứ nhất, nghệ nhân phải là ưu tiên hàng đầu trong chính sách bảo tồn và phát huy Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Có nhiều việc chúng ta phải thực hiện như: Hoàn thiện danh sách nghệ nhân Quan họ ở tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang; xây dựng chính sách đãi ngộ, tôn vinh với nghệ nhân, nhất là những nghệ nhân được phong tặng "Báu vật nhân văn sống" ở các làng Quan họ; thực hiện phong tặng nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú theo qui định của *Luật di sản văn hóa* và *Luật thi đua, khen thưởng*; tạo mọi điều kiện để nghệ nhân truyền dạy Quan họ Bắc Ninh cho thế hệ sau tại các gia đình và ở cộng đồng theo địa bàn làng xã v.v...; phát huy vai trò của nhà trường các cấp trong việc giảng dạy tri thức về Dân ca Quan họ Bắc Ninh...

- Thứ hai, phát huy cao nhất vai trò của cộng đồng trong các công việc như: Phục hồi tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội liên quan đến Dân ca Quan họ Bắc Ninh, khôi

Nguyễn Chí Bền: *Dân ca Quan họ Bắc Ninh...*

phục việc hát thi lấy giải của các làng Quan họ; nhận diện và kiểm kê Dân ca Quan họ Bắc Ninh định kỳ theo từng năm; nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị của di sản thông qua việc xuất bản và cung cấp cho cộng đồng những ấn phẩm về Dân ca Quan họ Bắc Ninh dưới mọi hình thức; thành lập hiệp hội nghệ nhân Quan họ Bắc Ninh, trên cơ sở các Câu lạc bộ Quan họ ở các làng hiện nay, xây dựng chương trình hoạt động cho hiệp hội để tổ chức phi chính phủ này đóng vai trò tích cực trong việc truyền dạy Quan họ cho thế hệ trẻ v.v...

- Thứ ba, đẩy mạnh công tác sưu tầm nghiên cứu về Dân ca Quan họ Bắc Ninh với các việc như: Hoàn thiện tư liệu và kết quả nghiên cứu về Quan họ Bắc Ninh, kể cả ở những làng Quan họ thuộc vùng phụ cận; phân loại, hệ thống tư liệu để lưu trữ và phục vụ cho việc tiếp cận của cộng đồng đối với các tư liệu về Quan họ Bắc Ninh; tổ chức nghiên cứu vấn đề bảo tồn và phát triển Quan họ Bắc Ninh trong xã hội đương đại v.v...

- Thứ tư, tuyên truyền, quảng bá về Dân ca Quan họ Bắc Ninh trên các phương tiện truyền thông đại chúng; tạo mọi điều kiện để cộng đồng trình diễn/giao lưu Dân ca Quan họ Bắc Ninh với các cộng đồng khác ở trong nước và ngoài nước; phát huy giá trị di sản Quan họ Bắc Ninh trong việc phát triển bền vững ngành du lịch để góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội v.v...

Dân ca Quan họ Bắc Ninh đã được UNESCO ghi danh vào Danh sách các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, từ sau ngày 30/9/2009. Dân ca Quan họ Bắc Ninh không còn chỉ là tài sản riêng của quê hương Kinh Bắc/Bắc Ninh, Bắc Giang, mà là tài sản của nhân loại. Theo đấy, trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị của Dân ca Quan họ Bắc Ninh của chúng ta cũng chính là trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị một di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại./

N.C.B

Chú thích:

1- *Báo Trung Bắc tân văn*, từ số ra ngày 4/3 đến số ra ngày 20/3/1937.

- 2- Xem Nguyễn Văn Huyền, *Địa lý hành chính Kinh Bắc*, bản tiếng Việt của Nguyễn Khắc Đạm, Hội khoa học lịch sử Việt Nam và Sở Văn hóa Thông tin Bắc Giang, Hà Nội, 1997, các trang 122, 123, 170.
- 3- Xin xem những công trình chủ yếu sau:
- Nguyễn Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc, *Dân ca Quan họ Bắc Ninh*, Nxb. Văn hóa, Viện Văn học, Hà Nội, 1962.
 - Nhiều tác giả, *Một số vấn đề về Dân ca Quan họ*, Ty Văn hóa Hà Bắc xb, 1972.
 - Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý, *Quan họ, nguồn gốc và quá trình phát triển*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1978.
 - Hồng Thao, *Dân ca Quan họ*, Nxb. Âm nhạc, Hà Nội, 1997.
 - Lê Danh Khiêm, *Dân ca Quan họ, lời ca và bình giải*, Trung tâm Văn hóa Quan họ xuất bản, Bắc Ninh, 2001.
 - Lê Ngọc Chân, (*Hát Quan họ ở miền Bắc Việt Nam, khảo sát khám phá nghệ thuật Quan họ*), luận án tiến sĩ triết học, Đại học Berkeley, California, Hoa Kỳ, 2002.
 - Nguyễn Trọng Ánh, *Những giá trị âm nhạc trong hát Quan họ*, luận án tiến sĩ nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội, 2005.
 - Nhiều tác giả, *Vùng văn hóa Quan họ Bắc Ninh*, Viện Văn hóa Thông tin, Sở Văn hóa Thông tin Bắc Ninh xb, 2006.
 - Nhiều tác giả, *Không gian văn hóa Quan họ Bắc Ninh, bảo tồn và phát huy*, Viện Văn hóa Thông tin, Sở Văn hóa Thông tin Bắc Ninh xb, Hà Nội, 2006.
 - Lauren Meeker, *Musical Transmissions: Folk Music, Mediation and Modernity in Northern Vietnam (Sự chuyển tải âm nhạc: âm nhạc dân gian, sự điều chỉnh và quá trình hiện đại hoá ở miền Bắc Việt Nam)* luận án tiến sĩ triết học, Đại học Columbia, Hoa Kỳ, 2007.

4- Chuyển dẫn từ Nguyễn Bình Định trong *Giáo trình Lịch sử âm nhạc phương Đông*, phần Đông Nam Á, Nhạc viện Hà Nội xb, 2004, tr.21.

5- *Lịch sử âm nhạc phương Đông*, phần Đông Nam Á, Nhạc viện Hà Nội xb, 2004, tr.21.

6- Dân ca Quan họ Bắc Ninh- một di sản độc đáo, in trong tập *Không gian văn hóa Quan họ Bắc Ninh, bảo tồn và phát huy*, Viện Văn hóa Thông tin và Sở Văn hóa-Thông tin xb, Hà Nội, 2006, tr.830.

7- Nguyễn Thụy Loan, bài đã dẫn, tr.831.

*- Năm 2006, khi tiến hành xây dựng hồ sơ để trình UNESCO công nhận Dân ca Quan họ Bắc Ninh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã chấp thuận đề nghị của Viện Văn hóa Thông tin (nay là Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam) tiến hành điều tra Quan họ Bắc Ninh vùng Bắc Sông Cầu. Nhóm tác giả thực hiện dự án do PGS.TS. Bùi Quang Thanh làm chủ nhiệm đã mời nhà nghiên cứu Trần Linh Quý (nay đã quá cố) tham gia. Là một trong những cán bộ chủ chốt của Ty Văn hóa Hà Bắc (cũ) tham gia xác định danh sách 49 làng Quan họ cổ những năm bảy mươi của thế kỷ XX, ông đã thừa nhận: "... tôi đang tin rằng có 5 làng nữa (hai làng Lát tôi gộp làm một làng Lát như trước năm 1895: Thổ Hà, Mật Ninh, Thần Chúc, Tiên Lát, Trung Đồng là những làng Quan họ cổ trong 10 làng Quan họ cổ ở huyện Việt Yên.

Dù có khác với con số 5 làng tôi đã biết năm 1971 thì tôi cũng phải chấp nhận sự thiếu sót của mình trước đây". (Bài Không gian văn hóa Quan họ và các làng Quan họ phía Bắc sông Cầu, in trong tập Văn nghệ dân gian Bắc Giang, tập 2, Hội Văn học nghệ thuật Bắc Giang xb, 2006, từ trang 230-252)

** - Xin xem những công trình đã dẫn ở chú thích số 3 ở trên.

NGUYỄN CHÍ BÈN: QUAN HỌ BẮC NINH FOLK SONGS, REPRESENTATIVE INTANGIBLE CULTURAL HERITAGE OF HUMANITY

The paper provides a comprehensive overview of Quan họ Bắc Ninh, a representative intangible cultural heritage of humanity, including name, type, practical activities, communication, clothing, foodways and so on, especially its outstanding musical and lyrical value. He also proposes some tasks and solutions for the safeguarding and promotion of this unique heritage.